

Bài: VẤN ĐỀ KHAI THÁC THỂ MẠNH Ở TRUNG DU-MIỀN NÚI BẮC BỘ

A.KIẾN THỨC TRỌNG TÂM:

I. KHÁI QUÁT CHUNG:

-Gồm 15 tỉnh:Tây Bắc: Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hoà Bình; Đông Bắc: Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Quảng Ninh.

-Diện tích: 101.000 km², chiếm 30,5% diện tích cả nước.

-Giáp Trung Quốc, Lào, liền kề ĐBSH, BTB và giáp vịnh Bắc Bộ.

- Vùng có vị trí địa lý đặc biệt và GTVT đang được đầu tư tạo điều kiện thuận lợi giao lưu với các vùng khác trong nước và xây dựng nền kinh tế mở.

II. CÁC THỂ MẠNH KINH TẾ

1. Khai thác, chế biến khoáng sản và thủy điện.

a.Khoáng sản: Giàu khoáng sản bậc nhất nước ta, rất phong phú, gồm nhiều loại:

-Than: tập trung vùng Quảng Ninh, Na Dương, Thái Nguyên. Trong đó vùng than Quảng Ninh có trữ lượng lớn nhất và chất lượng tốt nhất Đông Nam Á-trữ lượng thăm dò 3 tỷ tấn, chủ yếu than antraxít. Sản lượng khai thác trên 30 triệu tấn/năm. Than dùng làm nhiên liệu cho các nhà máy luyện kim, nhiệt điện trong vùng.

-Sắt ở Yên Bái, kẽm - chì ở Bắc Kạn, đồng-vàng ở Lào Cai, bô-xit ở Cao Bằng.

-Thiếc: Tĩnh Túc, sx 1000 tấn/năm □ tiêu dùng trong nước & xuất khẩu.

-Apatit Lào Cai, khai thác 600.000 tấn/năm dùng để sản xuất phân bón.

-Đồng - niken ở Sơn La.

- giàu khoáng sản tạo điều kiện thuận lợi phát triển cơ cấu công nghiệp đa ngành.

b.Thủy điện: trữ năng lớn nhất nước ta.

-Trữ năng tập trung chủ yếu ở hệ thống sông Hồng, chiếm 1/3 trữ năng cả nước (11.000MW).

-Đã xây dựng: nhà máy thủy điện Hòa Bình trên sông Đà , Thác Bà trên sông Chảy.

-Đang xây dựng thủy điện Sơn La trên sông Đà, Tuyên Quang trên sông Gâm.

* Đây là động lực phát triển cho vùng, nhất là việc khai thác và chế biến khoáng sản, tuy nhiên cần chú ý sự thay đổi môi trường.

2. Trồng và chế biến cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt & ôn đới

a. Tiềm năng:

-Phần lớn là đất feralit trên đá phiến, đá vôi; đất phù sa cổ, đất phù sa ở các cánh đồng giữa núi.

-Khí hậu nhiệt đới, ẩm, gió mùa, có mùa đông lạnh □ thuận lợi phát triển các cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt & ôn đới.

b. Thực trạng:

-Chè: diện tích & sản lượng chè lớn nhất nước ta, tập trung ở Phú Thọ, Thái Nguyên, Hà Giang ...

-Cây dược liệu: quế, tam thất, hồi, đỗ trọng...& cây ăn quả: mận, đào, lê... trồng ở Cao Bằng, Lạng Sơn, dãy Hoàng Liên Sơn.

-Ở Sa Pa trồng rau vụ đông & sản xuất hạt giống rau quanh năm, trồng hoa xuất khẩu.

c. Định hướng:

- Đẩy mạnh sản xuất theo hướng nông nghiệp hàng hóa, gắn liền với công nghiệp chế biến.

- Áp dụng tiến bộ khoa học-kỹ thuật vào sản xuất và bảo quản sản phẩm.

- Định canh, định cư cho nhân dân trong vùng.

3.Chăn nuôi gia súc

a. Tiềm năng:

- Có nhiều đồng cỏ ở các cao nguyên cao 600-700m, có thể phát triển chăn nuôi đại gia súc.

b. Thực trạng:

-Bò sữa nuôi nhiều ở Mộc Châu, Sơn La. Tổng đàn bò 900.000 con, chiếm 16% đàn bò cả nước.

-Trâu 1,7 triệu con, chiếm 1/2 đàn trâu cả nước, nuôi rộng khắp.

-Do giải quyết lương thực cho con người nên hoa màu dành nhiều cho chăn nuôi đã đẩy nhanh số lượng đàn lợn trong vùng, hơn 5,8 triệu con, chiếm 21% đàn lợn cả nước (2005).

c. Định hướng:

- cần giải quyết vấn đề giao thông, dịch vụ thú y, công nghệ chế biến.

- cải tạo các đồng cỏ, nâng cao năng suất. Đa dạng hóa nguồn thức ăn.

4. Kinh tế biển

-Vùng biển Quảng Ninh giàu tiềm năng, đang cùng phát triển với vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.

-Phát triển mạnh nuôi trồng & đánh bắt thủy sản, nhất là đánh bắt xa bờ, tập trung ở ngư trường Quảng Ninh-Hải Phòng.

-Du lịch biển-đảo là thế mạnh của vùng, tập trung ở vịnh Hạ Long.

-Cảng Cái Lân đang được xây dựng góp phần phát triển GTVT biển, tạo đà hình thành khu CN Cái Lân.

B. HỆ THỐNG CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu 1: Tỉnh nào dưới đây thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Hà Nam B. Thanh Hóa C. Vĩnh Phúc D. Tuyên Quang

Câu 2: So với khu vực Tây Bắc, khu vực Đông Bắc có

A. Mùa đông đến sớm và kết thúc muộn hơn

B. Mùa đông đến muộn và kết thúc muộn hơn

C. Mùa đông đến sớm và kết thúc sớm hơn

D. Mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn

Câu 3: Ý nào là hạn chế trong việc phát triển kinh tế biển của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Có vùng biển không rộng nhưng kín gió
- B. Bờ biển khúc khuỷu, nhiều đảo ven bờ
- C. Nhiều cảnh quan đẹp
- D. Có mùa đông lạnh nhất cả nước

Câu 4: Thế mạnh nào dưới đây là của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Khai thác và chế biến lâm sản, trồng lúa
- B. Khai thác và chế biến dầu khí, thủy điện
- C. Khai thác và chế biến bôxít, thủy sản
- D. Khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện

Câu 5: khoáng sản có trữ lượng lớn nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. Than
- B. Dầu khí
- C. Vàng
- D. Bôxít

Câu 6: Nguồn than khai thác của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu

- A. Phục vụ cho nhu cầu đời sống của nhân dân trong vùng
- B. Làm phụ gia cho công nghiệp hóa chất
- C. Phục vụ cho ngành luyện kim
- D. Làm nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện và xuất khẩu

Câu 7: Khó khăn về tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. Triều cường, xâm nhập mặn
- B. Rét đậm, rét hại
- C. Cát bat , cát lún
- D. Sóng thần

Câu 8: ý nào dưới đây không đúng với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Có diện tích rộng nhất so với các vùng khác trong cả nước
- B. Có số dân đông nhất so với các vùng khác trong cả nước
- C. Có sự phân hóa thành hai tiểu vùng
- D. Tiếp giáp với Trung Quốc và Lào

Câu 9: Tỉnh nào dưới đây vừa có cửa khẩu đường biển, vừa có cửa khẩu đường bộ với Trung Quốc?

A. Quảng Ninh B. Hà Giang C. Hòa Bình D. Cao Bằng

Câu 10: Điều khác biệt về vị trí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ so với các vùng khác trong cả nước là

- A. Có biên giới kéo dài với Trung Quốc và Lào B. Có tất cả các tỉnh giáp biển
C. Nằm ở vị trí trung chuyển giữa miền Bắc và miền Nam D. Giáp Lào và Campuchia

Câu 11: Ngành kinh tế biển nào dưới đây không xuất hiện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ ?

- A. Khai thác và nuôi trồng thủy, hải sản B. Khai thác dầu khí
C. Giao thông vận tải biển D. Du lịch biển

Câu 12. Trung du và miền núi Bắc Bộ có thể mạnh để phát triển các cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới là do

- A. tài nguyên đất phong phú và đa dạng.
B. khí hậu có mùa đông lạnh và phân hóa theo độ cao.
C. mạng lưới sông ngòi dày đặc.
D. địa hình phân hóa đa dạng nhưng núi thấp chiếm ưu thế.

Câu 13. Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển mạnh ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản là do vùng

- A. giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất nước ta.
B. có số dân đông, lao động dồi dào.
C. có trình độ khoa học và công nghệ cao.
D. có thị trường tiêu thụ sản phẩm lớn.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây ở Trung du miền núi Bắc Bộ có chung đường biên giới trên đất liền với cả Trung Quốc và Lào?

- A. Lai Châu. B. Sơn La. C. Điện Biên. D. Lào Cai.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết nhà máy thủy điện Thác Bà nằm trên con sông nào?

A. Sông Gâm B. Sông Chảy C. Sông Đà D. Sông Hồng

Đáp án:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
D	A	D	D	A	D	B	B	A	A	B	B	A	C	B

BÀI. VẤN ĐỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO NGÀNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

A.KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

I.Các thế mạnh chủ yếu của vùng:

a.Vị trí địa lý:

- Diện tích: 15.000 km², chiếm 4,5% diện tích của cả nước.
- Dân số: 18,2 triệu người (2006), chiếm 21,6% dân số cả nước(SGK)
- Gồm 10 tỉnh, thành: Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình.
- Giáp Trung du - miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và vịnh Bắc Bộ.

-Ý nghĩa:

- + Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, tạo động lực phát triển vùng và các vùng khác.
- + Dễ dàng giao lưu kinh tế với các vùng khác và với nước ngoài.
- + Gần các vùng giàu tài nguyên.

b.Tài nguyên thiên nhiên:

- Diện tích đất nông nghiệp khoảng 760.000 ha, trong đó 70% là đất phù sa màu mỡ. Đất nông nghiệp chiếm 51,2% diện tích vùng.
- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh làm cho cơ cấu cây trồng đa dạng.
- Tài nguyên nước phong phú, có giá trị lớn về kinh tế là hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình. Ngoài ra còn có nước ngầm, nước nóng, nước khoáng.
- Tài nguyên biển: bờ biển dài 400 km, biển có tiềm năng lớn để phát triển nhiều ngành kinh tế.
- Khoáng sản không nhiều, có giá trị là đá vôi, sét cao lanh, than nâu, khí tự nhiên.

c. Điều kiện kinh tế - xã hội:

- Dân cư đông nên, có nhiều kinh nghiệm và truyền thống trong sản xuất, chất lượng lao động cao.

- Kết cấu hạ tầng phát triển mạnh (giao thông, điện, nước...)

- Cơ sở vật chất kỹ thuật cho các ngành ngày càng hoàn thiện.

- Có lịch sử phát triển lâu đời, là nơi tập trung nhiều di tích, lễ hội, làng nghề truyền thống... với 2 trung tâm KT-XH là Hà Nội và Hải Phòng.

2. Hạn chế:

- Dân số đông, mật độ dân số cao gây sức ép về nhiều mặt, nhất là giải quyết việc làm.

- Thời tiết thất thường và thường có thiên tai: bão, lũ lụt, hạn hán...

- Sự suy thoái một số loại tài nguyên, quỹ đất nông nghiệp đang thu hẹp, thiếu nguyên liệu phát triển công nghiệp.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa phát huy thế mạnh của vùng.

II. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

1. Thực trạng:

- *Cơ cấu kinh tế đang có sự chuyển dịch theo hướng tích cực nhưng còn chậm.

- Giảm tỷ trọng khu vực I, tăng tỷ trọng khu vực II và III.

- Trước 1990, khu vực I chiếm tỷ trọng cao nhất (49,5%). Năm 2005, khu vực III chiếm tỷ trọng cao nhất (45%).

2. Định hướng:

- Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế: giảm tỷ trọng khu vực I, tăng tỷ trọng khu vực II và III, đảm bảo tăng trưởng kinh tế và giải quyết các vấn đề XH và môi trường.

- *Chuyển dịch trong nội bộ từng ngành kinh tế:*

- + Trong khu vực I:

- Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.

• Trong trồng trọt: giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng tỉ trọng cây thực phẩm và cây ăn quả.

+ Trong khu vực II: chú trọng phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm dựa vào thế mạnh về tài nguyên và lao động: công nghiệp chế biến LT-TP, dệt may, da giày, cơ khí, điện tử...

+ Trong khu vực III: phát triển du lịch, dịch vụ tài chính, ngân hàng, giáo dục - đào tạo,...

B. HỆ THỐNG CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu 1: Ý nào dưới đây không đúng khi nói về dân số và lao động của vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Là vùng đông dân nhất nước ta
- B. Có nguồn lao động dồi dào
- C. Người lao động có kinh nghiệm và trình độ sản xuất
- D. Phần lớn dân số sống ở thành thị

Câu 2: Hạn chế nào dưới đây không phải là của vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Sức ép lớn của dân số
- B. Thiên tai còn nhiều
- C. Tài nguyên thiên nhiên đang bị suy thoái
- D. Cơ sở hạ tầng thấp nhất cả nước

Câu 3: Năng suất lúa của vùng Đồng bằng sông Hồng cao nhất cả nước là do

- A. Diện tích ngày càng được mở rộng
- B. Người lao động có nhiều kinh nghiệm
- C. Đẩy mạnh sản xuất theo hình thức thâm canh
- D. Tăng vụ

Câu 4: Nhân tố nào không phải là điều kiện thuận lợi của vùng Đồng bằng sông Hồng để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế?

- A. Nguồn lao động có trình độ cao
- B. Tập trung nhiều trung tâm công nghiệp và dịch vụ lớn
- C. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho công nghiệp và dịch vụ tốt
- D. Giàu tài nguyên khoáng sản và năng lượng

Câu 5: Cơ cấu ngành kinh tế của vùng Đồng bằng sông Hồng đang chuyển dịch theo hướng

- A. Giảm tỉ trọng của khu vực I , tăng tỉ trọng của khu vực II và III
- B. Giảm tỉ trọng của khu vực II , tăng tỉ trọng của khu vực I và III
- C. Giảm tỉ trọng của khu vực III , tăng tỉ trọng của khu vực I và II
- D. Tăng tỉ trọng của khu vực I , tăng tỉ trọng của khu vực II và III

Câu 6: Định hướng chuyển dịch trong cơ cấu ngành trồng trọt của vùng Đồng bằng sông Hồng là

- A. Giảm tỉ trọng cây công nghiệp; tăng tỉ trọng cây công nghiệp, cây lương thực
- B. Giảm tỉ trọng cây lương thực; tăng tỉ trọng cây công nghiệp, cây thực phẩm, cây ăn quả
- C. Tăng tỉ trọng cây lương thực, cây thực phẩm; giảm tỉ trọng cây công nghiệp, cây ăn quả
- D. Tăng tỉ trọng cây lương thực, cây ăn quả

Câu 7: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 26, các trung tâm công nghiệp của vùng Đồng bằng sông Hồng có quy mô từ trên 40 nghìn tỉ đồng trở lên là

- A. Phú Yên, Bắc Ninh.
- B. Hà Nội, Hải Phòng
- C. Hải Dương, Hưng Yên.
- D. Thái Bình, Nam Định

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết tỉnh nào sau đây của đồng bằng sông Hồng giáp biển?

- A. Hưng Yên.
- B. Bắc Ninh
- C. Hải Phòng.
- D. Hải Dương.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở đồng bằng sông Hồng có giá trị sản xuất công nghiệp trên 120 nghìn tỉ đồng?

- A. Hà Nội
- B. Hưng Yên
- C. Hải Phòng
- D. Nam Định

Câu 10. Tại sao trong định hướng phát triển kinh tế ở đồng bằng sông Hồng lại chú trọng đến việc hình thành và phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm?

- A. Để khai thác nguồn tài nguyên khoáng sản dồi dào.
- B. Để sử dụng có hiệu quả thế mạnh về tự nhiên và con người.
- C. Để thu hút triệt để nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta.
- D. Để tận dụng thế mạnh về tiềm năng thủy điện và khoáng sản.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
D	D	C	D	A	B	B	C	A	B